

Bản án số: **30/2019/DS-ST**

Ngày: 30 - 11- 2019

Về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Thân Thị B, sinh năm 1939; địa chỉ: 36 N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 14, khu vực X, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản ủy quyền ngày 31/01/2019); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:*

+ Bà Đặng Thị Ngọc H – Luật sư của Công ty TNHH luật N và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Võ Văn H – Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Thân Trọng Hoàng L, sinh năm 1968; địa chỉ: 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Bà Thân Thị L1, sinh năm 1945; địa chỉ: 145 N, phường X, thành phố T, tỉnh Long An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thân Thị L1: Bà Thân Thị B (là nguyên đơn trong vụ án, (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018); có mặt.

- Bà Thân Thị Mai Tr, sinh năm 1946; địa chỉ: Số 126 chung cư N, phường X, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ: Số 120 Lô B, chung cư B, phường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- Bà Thân Thị B1, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 41 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Ông Thân Trọng V, sinh năm 1959; địa chỉ: 300 C, X, USA; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Thân Trọng T, sinh năm 1952; địa chỉ: X, USA; vắng mặt.

- Bà Thân Trọng Hoàng A, sinh năm 1968; địa chỉ: 14/4 đường số 7, phường X, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thân Trọng Hoàng A: Ông Thân Trọng M, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 9, khu vực Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018); có mặt.

- Bà Tô Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Tô Thị L: Ông Thân Trọng Hoàng L (là bị đơn trong vụ án, văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018); có mặt.

- Em Thân Trọng Hoàng N, sinh ngày 09/12/2001.

- Em Thân Trọng Nguyên P, sinh ngày 28/02/2003.

- Em Thân Trọng Ngọc H, sinh ngày 19/11/2007.

- Em Thân Trọng Ngọc Tr1, sinh ngày 27/01/2013.

Đều trú tại địa chỉ: 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho các em N, P, H, Tr1: Ông Thân Trọng Hoàng L và bà Tô Thị L; ông L có mặt, bà L vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

- Ông Thân Trọng L; nơi cư trú: Số 4/20 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Ông Thân Trọng M; nơi cư trú: Số X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn là bà Thân Thị B trình bày:

Cụ ông Thân Trọng Đ (chết năm 1995) và cụ bà Hoàng Thị Y (chết năm 1999) có chung với nhau 07 người con gồm: Bà là Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ1

(chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Thị Hoàng A), bà Thân Thị L1, bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1, ông Thân Trọng T và ông Thân Trọng V. Ngoài ra, bà B khẳng định cụ Đ và cụ Y không còn người con nào khác.

Khi còn sống, cụ Đ và cụ Y có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế theo trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho cụ Thân Trọng Đ có số hiệu A 396 với diện tích 1 sào 14 thước 8 tấc và một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trên thửa đất này.

Vào năm 2002, bà và ông Thân Trọng T đã cùng nhau đóng góp tiền để xây dựng thêm một ngôi nhà 02 tầng lên kề với ngôi nhà cấp 4 mà cha mẹ của bà đã xây dựng trước đây.

Sau khi cụ Đ và cụ Y chết thì nhà và đất này do người cháu là ông Thân Trọng Hoàng L quản lý, sử dụng. Ngày 29/11/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BQ 900380, số thửa 209, tờ bản đồ số 10, diện tích 980 m² cho ông Thân Trọng Hoàng L là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông bà Thân Trọng Đ – Hoàng Thị Y. Tuy nhiên, do khi tiến hành làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận, ông L đã kê khai không đầy đủ những người thừa kế của cụ Đ và cụ Y nên bà B và bà Tr đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận này. Ngày 13/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử vụ án và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số hiệu BQ 900380 mà Ủy ban nhân dân thành phố Huế đã cấp cho ông Thân Trọng Hoàng L.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y để lại theo pháp luật. Theo đó, bà B thống nhất để lại một phần diện tích 280,2 m² có ngôi nhà trên phần đất này là không chia mà để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, còn lại 700 m² thì chia cho 07 người thừa kế, mỗi người 100 m². Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế không thống nhất được việc để lại diện tích 280,2 m² đất để sử dụng chung vào việc thờ cúng nên bà B có văn bản đề ngày 24/6/2019, yêu cầu Tòa án chia đều toàn bộ diện tích đất theo kết quả đo đạc, định giá cho 07 người thừa kế. Bà B tự nguyện cắt 40,97m² trong kỷ phần thừa kế của mình và 40,97 m² trong phần thừa kế của ông Thân Trọng V (ông V đã có văn bản tặng cho bà B toàn bộ phần thừa kế) để sử dụng làm nhà thờ, phần đất thừa kế còn lại của bà B và ông V là 206,8 m² thì bà B đề nghị được nhận tại vị trí mà ngôi nhà 02 tầng đang tọa lạc bên cạnh phần đất của nhà thờ để thuận tiện trong việc sử dụng chung cho nhà thờ sau này.

Đối với di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 đang thờ cúng ông bà tổ tiên thì bà B không yêu cầu phân chia.

- Bị đơn là ông Thân Trọng Hoàng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Thị L (vợ ông L) đều trình bày: Ông L là con của ông Thân Trọng Đ1 (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị Đ (chết năm 1973), ông L có một người em gái cùng cha khác mẹ là bà Thân Trọng Hoàng A. Nguồn gốc ngôi nhà cấp 4 và thửa đất tại

địa chỉ 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế do ông bà nội là cụ Thân Trọng Đ và Nguyễn Thị Y tạo lập và để lại.

Vào năm 1995, ông bà nội của ông L có văn bản ủy quyền thừa kế cho ông Thân Trọng T nhưng do ông T đang ở xa (định cư ở Hoa Kỳ) nên ông bà nội và ông T đã thống nhất giao cho ông L được quyền quản lý, sử dụng. Năm 1998, bà nội của ông L là cụ Nguyễn Thị Y lập di chúc giao toàn bộ nhà và đất này cho ông L được thừa kế để quản lý và sử dụng.

Sau khi ông bà nội chết, ông Thân Trọng T yêu cầu vợ chồng ông L đến ở để quản lý, trông coi và lo hương khói cho ông bà tổ tiên. Năm 2002, ông Thân Trọng T gửi số tiền 12.000 đô la Mỹ để xây dựng ngôi nhà 02 tầng, nên việc bà B cho rằng có đóng góp tiền để cùng xây dựng ngôi nhà 02 tầng này là không đúng. Quá trình sử dụng nhà và đất này, vợ chồng ông L bà L không xây dựng gì thêm, không đóng góp công sức, chi phí gì để tôn tạo nhà và đất này.

Trước yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Thân Thị B và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Thân Thị L1, bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1 và ông Thân Trọng V, vợ chồng ông L bà L đề nghị Tòa án xem xét căn cứ vào giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ lập năm 1995 và bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Y lập năm 1998 để giải quyết.

- Tại các bản tự khai và quá trình hòa giải, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Thân Thị L1, bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1 và ông Thân Trọng V đều xác nhận về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y như bà Thân Thị B đã trình bày như đã nêu trên, đồng thời đồng ý để lại diện tích 280,2 m² đất để sử dụng chung vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên, còn lại 700 m² thì chia cho 07 người thừa kế, mỗi người 100 m². Tuy nhiên, tại văn bản đề ngày 24/6/2019, bà Thân Thị B1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Thân Thị L1 là bà Thân Thị B yêu cầu Tòa án chia đều toàn bộ diện tích đất theo kết quả đo đạc, định giá ngày 19/10/2018 cho 07 người thừa kế. Bà B1 tự nguyện cắt 20 m² trong phần thừa kế của mình sử dụng chung để thờ cúng, bà L1 tự nguyện cắt 24,38 m² trong phần thừa kế của mình sử dụng làm nhà thờ, phần đất còn lại, bà B1, bà L1 yêu cầu được nhận theo hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà Tr và ông V cũng yêu cầu được nhận phần thừa kế là quyền sử dụng đất theo hiện vật, ông V tự nguyện tặng cho toàn bộ phần thừa kế được nhận cho bà B.

Về di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 đang thờ cúng ông bà tổ tiên thì bà L1, bà Tr, bà B1, ông V đều không yêu cầu phân chia.

Đối với ngôi nhà 02 tầng được xây dựng vào năm 2002, bà L1, bà Tr, bà B1 và ông V đều thừa nhận không phải là di sản thừa kế mà ngôi nhà này là do ông Thân Trọng T và bà Thân Thị B xây dựng, nên không yêu cầu phân chia.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thân Trọng Hoàng A là ông Thân Trọng M trình bày: Bà A là người thừa kế thế vị của ông Thân Trọng Đ1, bà A tự nguyện để lại toàn bộ phần thừa kế mà bà được hưởng để làm nhà thờ. Đối với ngôi

nhà cấp 4 do ông bà nội để lại là không chia, còn ngôi nhà 02 tầng là do ông Thân Trọng T và bà Thân Thị B xây dựng nên đề nghị Tòa án giao ngôi nhà này cho bà B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thân Trọng T đã được Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt các giấy tờ theo luật định nhưng không có kết quả do người nhận từ chối nhận các loại giấy tờ tài liệu do Tòa án tổng đạt.

* Về tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn là bà Thân Thị B đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm:

+ Giấy tờ về nhà đất (Việt Nam Trung Kỳ Chánh phủ) của cụ Thân Trọng Đ có diện tích 1 sào 14 thước 8 tấc (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 900380 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 29/11/2013 cho ông Thân Trọng Hoàng L (Là người đại diện của những người thừa kế di sản của cụ Thân Trọng Đ và cụ Hoàng Thị Y), (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế);

+ Bản án số 09/2016/DS-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 900380 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (Bản sao).

+ Sơ đồ nhà đất thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10, diện tích 980,2 m² tại Tổ 6, phường Thủy Biều, T phố Huế (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế);

+ Bản sao Giấy chứng tử của cụ Thân Trọng Đ (chết ngày 11/4/1995);

+ Bản sao Giấy chứng tử của cụ Hoàng Thị Y (chết ngày 02/11/1999);

+ Giấy xác nhận những người thừa kế của cụ Thân Trọng Đ và cụ Hoàng Thị Y (Bản sao).

+ Giấy xác nhận địa chỉ ông Thân Trọng V và Thân Trọng T (bản photocopy Tiếng Anh được dịch ra Tiếng Việt của Trung tâm dịch vụ đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế);

+ Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của bà Thân Thị B (bản sao).

- Bị đơn là ông Thân Trọng Hoàng L đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm:

+ Giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ (Bản photocopy).

+ Di chúc thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị Y (Bản sao).

+ Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy khai sinh của các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc Tr1 (Bản sao).

- Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, xác minh tại chính quyền địa phương và thu thập lời khai của người làm chứng là ông Thân Trọng L và ông Thân Trọng M.

Tại biên bản định giá ngày 19/10/2018, Hội đồng định giá đã thống nhất các chủng loại tài sản và cây lưu niên, công trình có trên đất của cụ Đ và cụ Y; đồng thời xác định trị giá từng loại tài sản như sau:

+Về trị giá cây trồng:

Cây Nhãn: Đường kính 79,5 cm, đơn giá 269.000 đồng x 1 cây = 269.000 đồng

Cây Nhãn: Đường kính 30,0 cm, đơn giá 290.000 đồng x 1 cây = 290.000 đồng

Cây ThA trà: đường kính 9 cm, đơn giá 516.000 đồng x 19 cây = 9.804.000 đồng.

Cây Dâu: Đường kính 25 cm, đơn giá 315.000 đồng x 1 cây = 315.000 đồng.

Cây Mít: Đường kính 35 cm, đơn giá 352.000 đồng x 2 cây = 704.000 đồng .

Cây Mãng cầu: Đường kính 5 cm, đơn giá 36.000 đồng x 1 cây = 36.000 đồng.

Cây Mai vàng (2 cây): Đường kính 10 cm, đơn giá: Không xác định.

Cây Bò kết: Đường kính 28,6 cm, đơn giá 193.600 đồng x 01 cây = 193.600 đồng.

Cây Sến: Đường kính 28.6 cm, đơn giá 32.040 đồng x 1 cây = 32.040 đồng.

+Về công trình xây dựng:

Nhà 01 tầng (xây dựng trước năm 1975): Trị giá còn lại: 109.537.000 đồng.

Nhà 02 tầng (xây dựng năm 2002): Trị giá còn lại: 508.293.000 đồng.

Am thờ lớn (01 cái): Trị giá 1.200.000 đồng.

Am thờ nhỏ (02 cái) x 700.000 đồng = 1.400.000 đồng.

Giếng nước 01 cái trị giá 4.200.000 đồng.

Nền sân 136,5 m² trị giá còn lại 29.688.750 đồng.

+ Về đất: Diện tích toàn bộ: 1.010,7 m² ;

Giá đất theo khung giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

1.010,7 m² x 2.310.000 đồng/ 1m² x 1,3 = 3.035.132.100 đồng.

Giá đất theo giá thị trường:

1.010,7 m² x 3.500.000 đồng = 3.537.450.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến:

Phía nguyên đơn bà B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế gồm ngôi

nhà thờ, diện tích 1.010,7 m² đất cùng các tài sản công trình, cây cối trên đất; đồng thời, nhất trí trích 3% tổng giá trị di sản cho ông Thân Trọng Hoàng L về công sức giữ gìn, bảo quản di sản và thanh toán giá trị cây Thanh Trà cho ông L.

Bà Thân Thị B đề nghị được nhận phần thừa kế chung về quyền sử dụng đất với phần thừa kế của ông Thân Trọng V, bà Thân Trọng Hoàng A và ông Thân Trọng T tại vị trí có 02 ngôi nhà (ngôi nhà thờ cấp 4 và ngôi nhà 2 tầng); bà B chấp nhận thanh toán phần giá trị liên quan đến ngôi nhà thờ cho các thừa kế còn lại.

Bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1 và ông Thân Trọng M đồng ý với yêu cầu nêu trên của bà B.

Phía ông L có ý kiến: Về công sửa chữa, tôn tạo coi nói thì từ khi đến ở từ năm 1999 cho đến nay, ông L và vợ con ông L không sửa chữa, tôn tạo coi nói gì. Ngôi nhà nhà thờ và thửa đất được giữ nguyên trạng từ xưa đến nay không thay đổi gì. Ông L yêu cầu trích phần công sức giữ gìn, bảo quản di sản từ khi đến ở vào năm 1999 cho đến nay. Ông L yêu cầu các thừa kế nhận phần đất có cây Thanh Trà thì thanh toán lại giá trị cho ông theo giá do Hội đồng định giá đã định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đảm bảo, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án, ông Thân Trọng V đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; ông Thân Trọng T được Tòa án ủy thác tư pháp để tổng đạt giấy tờ theo luật định nhưng từ chối nhận nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông V và ông T theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Thân Trọng T: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ tài liệu yêu cầu ông T cung cấp lời khai và các tài liệu có liên quan đến vụ án nhưng ông T từ chối không nhận và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét cần căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử. Riêng phần thừa kế của ông T được hưởng, Hội đồng xét xử sẽ tạm giao cho một trong những người thừa kế quản lý, sau này ông T có yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với bà Tô Thị L cùng các cháu Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Ngọc Tr1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng đã vắng mặt. Mặt khác, tại phiên tòa ông Thân Trọng Hoàng L cũng cho rằng bà L và các con của ông L, bà L không đóng góp gì trong khối di sản của cụ Đ và cụ Y để lại, không yêu cầu gì. Ông L trình bày trước phiên tòa cũng thể hiện ý chí của họ.

Xét cần chấp nhận yêu cầu của ông L cùng vợ con của ông L để xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của ông Thân Trọng Hoàng L xin được thực hiện theo giấy ủy quyền thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và di chúc của cụ bà Hoàng Thị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về Giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ:

Giấy ủy quyền thừa kế này được lập ngày 02/5/1995, có chữ ký của hai người làm chứng là ông Thân Trọng L và ông Thân Trọng M và được UBND phường Thủy Biều chứng nhận ngày 03/5/1995.

Tại biên bản làm việc với Tòa án ngày 19/6/2009, ông Thân Trọng L và ông Thân Trọng M đều khẳng định rằng chữ ký trên Giấy ủy quyền thừa kế này là của hai ông nhưng không phải ký vào thời điểm lập là ngày 02/5/1995 mà họ ký vào khoảng năm 2001 để cho ông L được cấp giấy phép xây dựng ngôi nhà 02 tầng. Việc UBND phường Thủy Biều chứng nhận vào ngày 03/5/1995 cho rằng các ông là nhân chứng chứng nhận việc lập giấy ủy quyền thừa kế tài sản của cụ Thân Trọng Đ vào thời điểm ngày 02/5/1995 là không đúng.

Theo Giấy chứng tử do nguyên đơn cung cấp xác định cụ Thân Trọng Đ chết vào ngày 11/4/1995 (được UBND phường Thủy Biều vào Sổ đăng ký khai tử ngày 18/12/2014) là phù hợp với Giấy cam đoan việc tử của ông Thân Trọng Hoàng L vào ngày 27/9/2013 (được UBND phường Thủy Biều chứng thực ngày 28/9/2013).

Như vậy có căn cứ khẳng định rằng, Giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 02/5/1995 là không hợp pháp với lý do cụ Đ đã chết vào ngày 11/4/1995 là trước thời điểm lập Giấy ủy quyền thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 02/5/1995 mà cần hủy giấy ủy quyền này do giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự.

Đối với Bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị Y lập ngày 13/8/1998: Theo nội dung của bản di chúc thì cụ Hoàng Thị Y chỉ giao quyền thừa kế tài sản của cụ cho ông Thân Trọng Hoàng L để quản lý và sử dụng chứ không có quyền định đoạt đối với di sản thừa kế này. Do đó, việc các đồng thừa kế khác khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y theo pháp luật là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Xét về thời hiệu thừa kế:

Cụ ông Thân Trọng Đ chết ngày 11/4/1995 và cụ bà Hoàng Thị Y chết ngày 02/11/1999. Ngày 07/3/2018, bà Thân Thị B gửi đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y là còn trong thời hiệu thừa kế quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét về hàng thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y chỉ có 07 người thừa kế gồm: Bà Thân Thị B, ông Thân Trọng

Đ1 (chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Trọng Hoàng A, được thừa kế thế vị), bà Thân Thị L1, bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1, ông Thân Trọng T và ông Thân Trọng V. Ngoài ra, cụ Đ và cụ Y không còn người con nào khác. Do đó, cần chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y cho 07 người thừa kế trên là đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về di sản để lại là tài sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y trước khi chết có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế theo trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho cụ Thân Trọng Đ có số hiệu A 396 với diện tích 1 sào 14 thước 8 tấc. Sau đó, quá trình đo đạc thực tế đã xác định diện tích toàn bộ thửa đất là 1010,7m² (nay là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế). Ngoài ra, di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y còn có một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trước năm 1975 trên thửa đất này và một số cây trồng trên đất.

Đối với căn nhà 02 tầng xây dựng vào năm 2002 liền kề với ngôi nhà thờ mà vợ chồng ông L, bà L cùng các con của ông L, bà L đang sử dụng để ở, vợ chồng ông L bà L và con ông L, bà L thừa nhận không có cải tạo, xây dựng gì thêm. Các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận căn nhà này không phải là di sản thừa kế mà thuộc quyền sở hữu của bà Thân Thị B và ông Thân Trọng T. Hiện tại, ông T đang định cư ở nước ngoài nên xét cần tạm giao ngôi nhà này cho bà Thân Thị B quản lý sử dụng là phù hợp. Sau này, ông T có tranh chấp liên quan đến căn nhà này thì ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Xét về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Về xác định di sản thừa kế bằng giá trị:

+ Nhà cấp 4 (xây dựng trước năm 1975): Trị giá còn lại: 109.537.000 đồng.

+ Nền sân 136,5 m²: Trị giá còn lại: 29.688.750 đồng.

+ Am thờ lớn: 01 cái trị giá 1.200.000 đồng.

+ Am thờ nhỏ: 02 cái x 700.000 đồng = 1.400.000 đồng.

+ Giếng nước: 01 cái trị giá 4.200.000 đồng.

+ Các cây trồng: Cây Nhãn (2 cây) trị giá: 559.000 đồng; cây Dâu trị giá 315.000 đồng; cây Mít (2 cây) trị giá 704.000 đồng; cây Bò kết trị giá 193.600 đồng. Cộng trị giá cây trồng là: 1.771.600 đồng.

+ Về đất: Diện tích: 1.010,7 m² x 3.500.000 đồng (theo giá thị trường) = 3.537.450.000 đồng.

Tổng cộng giá trị di sản thừa kế: 3.685.247.350 đồng.

Về trích công giữ gìn, bảo quản di sản: Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí trích 3% tổng trị giá di sản thừa kế cho ông L. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận trích như sau:

$3.685.247.350 \text{ đồng} \times 3\% = 110.557.420 \text{ đồng}.$

Tổng giá trị di sản thừa kế còn lại là:

$3.685.247.350 \text{ đồng} - 110.557.420 \text{ đồng} = 3.574.689.930 \text{ đồng}.$

Mỗi người thừa kế được hưởng phần thừa kế bằng giá trị là:

$3.574.689.930 \text{ đồng} / 7 \text{ người thừa kế} = 510.669.990 \text{ đồng}.$

- Về chia thừa kế bằng hiện vật như sau:

Về thừa đất: Theo kết quả đo đạc, định giá tài sản ngày 19/10/2018, Hội đồng định giá đã xác định diện tích đất hiện trạng thực tế là 1010,7 m². Như vậy, diện tích đất trong Giấy chứng nhận và trên thực tế là khác nhau nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 900380 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 29/11/2013 cho ông Thân Trọng Hoàng L đã bị hủy theo Bản án số 09/2016/DS-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặt khác, Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều và Ủy ban nhân dân thành phố Huế đều xác nhận diện tích đất trước đây là đo bằng phương pháp thủ công nên không chính xác. Do đó, việc đo đạc hiện nay là chính xác và các đương sự đều nhất trí với diện tích này. Phía ông L cũng khẳng định diện tích đất của ông bà nội để lại không thay đổi và ông L không coi nơi hoặc mở rộng gì thêm. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án, cần căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Thân Trọng V tặng cho phần thừa kế của mình cho bà Thân Thị B, nên bà B được nhận di sản thừa kế là 02 phần thừa kế.

Tạm giao cho bà Thân Thị B, ông Thân Trọng V, ông Thân Trọng T và bà Thân Trọng Hoàng A, các phần thừa kế có ký hiệu 209-2 với diện tích là 416,6 m², bà B được quản lý, sử dụng ngôi nhà thờ cấp 4 và tạm giao cho bà B quản lý căn nhà liền kề 02 tầng (do bà B và ông T xây dựng vào năm 2002). Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-1, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-3, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền $416,6 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 1.458.100.000 \text{ đồng}$ và sở hữu nhà thờ trị giá 109.537.000 đồng + sân trị giá 29.688.750 đồng + 01 giếng nước trị giá 4.200.000 đồng + 01 cây Nhãn trị giá 290.000 đồng + 01 cây Sến trị giá 32.040 đồng + 01 cây Mai vàng = 1.601.847.790 đồng. Tổng trị giá các kỷ phần được thực hưởng là: $510.669.990 \text{ đồng} \times 3,5 \text{ kỷ phần} = 1.787.344.965 \text{ đồng}.$ Bà B, ông V, ông T, chị Hoàng A được nhận phần thanh toán do bà Thân Thị B1 chuyển trả là 185.497.175 đồng. Bà B, ông V, ông T, chị Hoàng A được sở hữu 01 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ trả lại cho ông L giá trị 01 cây Thanh Trà là 516.000 đồng. Bà B được đại diện nhận toàn bộ di sản

được chia. Sau này, ông Thân Trọng T có yêu cầu chia phần mà ông được hưởng thì ông T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Tạm giao cho bà Thân Thị Mai Tr kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-1, diện tích là 127,1 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 197, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-2, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 127,1 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 444.850.000 đồng và được sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 01 cây Bò kết trị giá 193.600 đồng = 545.000 đồng. Tổng cộng 445.395.600 đồng. Kỷ phần của bà Tr thực hưởng 510.669.990 đồng. Bà Tr được nhận số tiền do ông L chuyển trả là 5.858.595 đồng và nhận số tiền do bà B1 chuyển trả là 59.447.835 đồng. Bà Tr được sở hữu 6 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ thanh toán cho ông L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Tạm giao cho bà Thân Thị L1 được nhận kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-3 với diện tích là 132,2 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-2, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-4, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền: 132,2 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 462.700.000 đồng và sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 02 Am nhỏ trị giá 1.400.000 đồng + 01 Am lớn trị giá 1.200.000 đồng và 01 cây Mai vàng = 465.652.000 đồng. Kỷ phần của bà L1 thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà L1 được nhận số tiền do ông L chuyển trả là 45.017.990 đồng.

Tạm giao cho ông Thân Trọng Hoàng L được nhận kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-4 với diện tích là 119,0 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-3, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-5, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 119,0 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 416.500.000 đồng và sở hữu 01 cây Nhãn trị giá 269.000 đồng = 416.769.000 đồng. Kỷ phần của ông L thực hưởng là 255.334.995 đồng và số tiền công sức giữ gìn bảo quản 110.557.420 đồng. Tổng cộng: 365.892.415 đồng, ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà L1 số tiền là 45.017.990 đồng, thanh toán cho bà Tr số tiền là 5.858.595 đồng. Trên đất có 06 cây Thanh Trà do ông L trồng nên ông L được hưởng.

Tạm giao cho bà Thân Thị B1 được nhận kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-5 với diện tích là 215,8 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-4, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với đường kiệt vào xóm, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 215,8 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 755.300.000 đồng và sở hữu 01 cây Dâu trị giá 315.000 đồng; tổng cộng: 755.615.000 đồng. Kỷ phần của bà B1 thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà B1 phải thanh toán cho bà B và những người nhận kỷ phần thừa kế chung với bà B số tiền là 185.497.175 đồng; thanh toán cho bà Tr số tiền 59.447.835 đồng. Bà B1 được sở hữu 6 cây thanh trà và có nghĩa vụ thanh cho ông L giá trị 06 cây ThA Trà là 3.096.000 đồng.

Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, những người được nhận kỷ phần thừa kế có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận theo quy định của pháp luật (có bản vẽ kèm theo).

Tại phiên tòa, bà B thống nhất và đồng ý để những người thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y có quyền đến thắp hương các dịp cúng giỗ hằng năm và Tết Nguyên đán tại ngôi nhà thờ mà bà B được giao quản lý. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Thân Trọng Hoàng L, bà Tô Thị L và các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc Tr1 phải trả lại nhà thờ và căn nhà 2 tầng hiện đang ở để giao cho những người thừa kế gồm: Bà B, ông V, ông T và bà Hoàng A.

Ông Thân Trọng Hoàng L, bà Tô Thị L, các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc Tr1 phải có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng các loại tài sản nhà đất, công trình, cây cối có trên đất tại 16 Ngõ Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi thi hành xong bản án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu như sau:

Bà Thân Thị B phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 510.669.990 đồng và phần do ông Thân Trọng V tặng cho 510.669.990 đồng. Tổng cộng: 1.021.339.980 đồng là : $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 221.339.980 \text{ đồng}) = 42.640.199,4 \text{ đồng}$, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005360 ngày 25/3/2018 và số tiền đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai số 005373 ngày 27/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B còn phải nộp tiếp số tiền 30.140.119,4 đồng (Làm tròn: 30.140.000 đồng).

Bà Thân Trọng Hoàng A phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 255.334.995 đồng $\times 5\% = 12.766.749,75 \text{ đồng}$ (Làm tròn: 12.767.000 đồng). Tại phiên tòa, bà B tự nguyện nộp thay cho bà Thân Trọng Hoàng A khoản tiền án phí này.

Bà Thân Thị Mai Tr phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 510.669.990 đồng là: $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 110.669.990 \text{ đồng}) = 24.426.799,6 \text{ đồng}$, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005440 ngày 05/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Tr còn phải nộp tiếp số tiền 18.176.799,6 đồng (Làm tròn: 18.177.000 đồng).

Bà Thân Thị L1 phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 510.669.990 đồng là: $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 110.669.990 \text{ đồng}) = 24.426.799,6 \text{ đồng}$, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005370 ngày 29/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà L1 còn phải nộp tiếp số tiền: 18.176.799,6 đồng (Làm tròn: 18.177.000 đồng).

Bà Thân Thị B1 phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 510.669.990 đồng

là: 20.000.000 đồng + (4% x 110.669.990 đồng) = 24.426.799,6 đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005411 ngày 23/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B1 còn phải nộp tiếp số tiền 18.176.799,6 đồng (Làm tròn: 18.177.000 đồng).

- Ông Thân Trọng Hoàng L phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia 365.892.415 đồng x 5% = 18.294.620,75 đồng (Làm tròn: 18.295.000 đồng).

[8] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí bản vẽ hiện trạng thửa đất là 7.317.000 đồng: Bà Thân Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng: Bà B tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 005444 ngày 30/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

- Về chi phí thực hiện ủy thác ra nước ngoài 95 USD (đô la Mỹ) và khoản phí chuyển tiền 843.800 đồng: Bà B tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 37, Điều 147, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự; các Điều 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

[1] Hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 02/5/1995, có chữ ký của hai người làm chứng là ông Thân Trọng L, ông Thân Trọng M và được UBND phường Thủy Biều chứng thực xác nhận ngày 03/5/1995 do giao dịch dân sự vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Thân Trọng Hoàng L về việc thừa kế theo Bản di chúc thừa kế tài sản của cụ bà Hoàng Thị Y lập ngày 13/8/1998.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Về di sản thừa kế: Cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y trước khi chết có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế với diện tích là 1.010,7 m² (nay là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế); một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trước năm 1975 trên thửa đất này cùng các công trình, cây cối có trên thửa đất. Tổng trị giá toàn bộ di sản là:

3.685.247.350 đồng. Chấp nhận trích công giữ gìn bảo quản di sản cho ông Thân Trọng Hoàng L 3% tổng giá trị di sản là 110.557.420 đồng.

Tổng giá trị di sản còn lại để chia là: 3.574.689.930 đồng.

- Về hàng thừa kế: Có 07 người thừa kế gồm: Bà Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ1 (chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Trọng Hoàng A được thừa kế thế vị), bà Thân Thị L1, bà Thân Thị Mai Tr, bà Thân Thị B1, ông Thân Trọng T và ông Thân Trọng V.

- Về phương thức phân chia:

+Về kỹ phần thừa kế bằng giá trị: Mỗi người thừa kế được hưởng kỹ phần thừa kế bằng giá trị là: 510.669.990 đồng.

+Về chia thừa kế bằng hiện vật:

Tạm giao cho bà Thân Thị B, ông Thân Trọng V, ông Thân Trọng T và bà Thân Trọng Hoàng A, các kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-2 với diện tích là 416,6 m², bà B được quản lý, sử dụng ngôi nhà thờ cấp 4 và tạm giao cho bà B quản lý căn nhà liền kề 02 tầng (do bà B và ông T xây dựng vào năm 2002). Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-1, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-3, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 416,6 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 1.458.100.000 đồng và sở hữu nhà thờ trị giá 109.537.000 đồng + sân trị giá 29.688.750 đồng + 01 giếng nước trị giá 4.200.000 đồng + 01 cây Nhãn trị giá 290.000 đồng + 01 cây Sến trị giá 32.040 đồng + 01 cây Mai vàng = 1.601.847.790 đồng. Tổng trị giá các kỹ phần được thực hưởng là: 510.669.990 đồng x 3,5 kỹ phần = 1.787.344.965 đồng. Bà B, ông V, ông T, chị Hoàng A được nhận phần thanh toán do bà Thân Thị B1 chuyển trả là 185.497.175 đồng. Bà B, ông V, ông T, chị Hoàng A được sở hữu 01 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ trả lại cho ông L giá trị 01 cây Thanh Trà là 516.000 đồng. Bà B được đại diện nhận toàn bộ di sản được chia. Sau này, ông Thân Trọng T có yêu cầu chia phần mà ông được hưởng thì ông T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Tạm giao cho bà Thân Thị Mai Tr kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-1, diện tích là 127,1 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 197, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-2, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 127,1 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 444.850.000 đồng và được sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 01 cây Bò kết trị giá 193.600 đồng = 545.000 đồng. Tổng cộng 445.395.600 đồng. Kỹ phần của bà Tr thực hưởng 510.669.990 đồng. Bà Tr được nhận số tiền do ông L chuyển trả là 5.858.595 đồng và nhận số tiền do bà B1 chuyển trả là 59.447.835 đồng. Bà Tr được sở hữu 6 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ thanh toán cho ông L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Tạm giao cho bà Thân Thị L1 được nhận kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-3 với diện tích là 132,2 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-2, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-4, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền: 132,2 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 462.700.000 đồng và sở hữu 01 cây Mít trị

giá 352.000 đồng + 02 Am nhỏ trị giá 1.400.000 đồng + 01 Am lớn trị giá 1.200.000 đồng và 01 cây Mai vàng = 465.652.000 đồng. Kỳ phần của bà L1 thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà L1 được nhận số tiền do ông L chuyển trả là 45.017.990 đồng.

Tạm giao cho ông Thân Trọng Hoàng L được nhận kỳ phần thừa kế có ký hiệu 209-4 với diện tích là 119,0 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-3, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với thửa 209-5, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 119,0 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 416.500.000 đồng và sở hữu 01 cây Nhãn trị giá 269.000 đồng = 416.769.000 đồng. Kỳ phần của ông L thực hưởng là 255.334.995 đồng và số tiền công sức giữ gìn bảo quản 110.557.420 đồng. Tổng cộng: 365.892.415 đồng, ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà L1 số tiền là 45.017.990 đồng, thanh toán cho bà Tr số tiền là 5.858.595 đồng. Trên đất có 06 cây Thanh Trà do ông L trồng nên ông L được hưởng.

Tạm giao cho bà Thân Thị B1 được nhận kỳ phần thừa kế có ký hiệu 209-5 với diện tích là 215,8 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-4, phía Đông giáp đường Ngô Hà, phía Nam giáp với đường kiệt vào xóm, phía Tây giáp thửa 208. Thành tiền 215,8 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 755.300.000 đồng và sở hữu 01 cây Dâu trị giá 315.000 đồng; tổng cộng: 755.615.000 đồng. Kỳ phần của bà B1 thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà B1 phải thanh toán cho bà B và những người nhận kỳ phần thừa kế chung với bà B số tiền là 185.497.175 đồng; thanh toán cho bà Tr số tiền 59.447.835 đồng. Bà B1 được sở hữu 6 cây thanh trà và có nghĩa vụ thanh cho ông L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, những người được nhận kỳ phần thừa kế có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận theo quy định của pháp luật (có bản vẽ kèm theo).

Những người thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y có quyền đến thắp hương cho cha mẹ, ông bà tổ tiên trong các dịp cúng giỗ hằng năm và Tết Nguyên đán tại ngôi nhà thờ được giao cho bà Thân Thị B quản lý.

[4] Về quyền lưu cư: Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Thân Trọng Hoàng L, bà Tô Thị L, các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc Tr1 phải trả lại nhà thờ và căn nhà 2 tầng hiện đang ở để giao cho những người thừa kế gồm bà Thân Thị B, ông Thân Trọng V, ông Thân Trọng T và bà Thân Trọng Hoàng A mà bà B là người đứng tên đại diện nhận.

Ông Thân Trọng Hoàng L, bà Tô Thị L, các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng Nguyên P, Thân Trọng Ngọc Tr1 phải có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng các loại tài sản nhà đất, công trình, cây cối có trên đất tại địa chỉ 16 Ngô Hà, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi thi hành xong bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc những người được nhận di sản thừa kế phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Bà Thân Thị B phải chịu án phí với số tiền 42.640.000 đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005360 ngày 25/3/2018 và số tiền đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai số 005373 ngày 27/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B còn phải nộp tiếp số tiền 30.140.000 đồng.

- Bà Thân Trọng Hoàng A phải chịu án phí với số tiền 12.767.000 đồng. Bà Thân Thị B tự nguyện nộp thay cho bà A khoản tiền án phí này.

Như vậy, bà Thân Thị B còn phải nộp tiếp tổng cộng số tiền án phí là: 42.907.000 đồng.

- Bà Thân Thị Mai Tr phải chịu án phí với số tiền 24.427.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005440 ngày 05/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Tr còn phải nộp tiếp số tiền 18.177.000 đồng.

- Bà Thân Thị L1 phải chịu án phí với số tiền 24.427.000 đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005370 ngày 29/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà L1 còn phải nộp tiếp số tiền 18.177.000 đồng.

- Bà Thân Thị B1 phải chịu án phí với số tiền 24.427.000 đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005411 ngày 23/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B1 còn phải nộp tiếp số tiền 18.177.000 đồng.

- Ông Thân Trọng Hoàng L phải chịu án phí với số tiền 18.295.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí bản vẽ hiện trạng thửa đất là 7.317.000 đồng: Bà Thân Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng: Bà B tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 005444 ngày 30/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà B đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

- Về chi phí thực hiện ủy thác ra nước ngoài 95 USD (đô la Mỹ) và khoản phí chuyển tiền 843.800 đồng: Bà B tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Thân Trọng T và ông Thân Trọng V đang cư trú tại nước ngoài và vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính